

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 26/2023/HS-ST

Ngày 29 – 5 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- T5 phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Thẩm phán: Ông Vũ Minh Quán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lai.
2. Ông Đặng Tiến Dũng.
3. Ông Nguyễn Hữu Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1979 tại xã P, T5 phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Số nhà 04, đường Trần Bình T, tổ 04, phường T1, T5 phố C, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bà Hà Thị V; có chồng là Nguyễn Quốc T3 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Nam K, Luật sư Công ty Luật hợp danh Thủy Vỹ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Trần Thị Thanh T4, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số nhà 088, đường Nhạc Sơn, tổ 16, phường Kim Tân, T5 phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Km1+500 Quốc lộ 70, tổ 29, phường Lào Cai, T5 phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị P T5, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số nhà 015, đường Lương Văn Can, tổ 28, phường Cốc Lều, T5 phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lương Thị Năm, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số nhà 034, đường Bùi Đức Minh, tổ 24, phường Bắc Cường, T5 phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H đã nhiều lần thực hiện hành vi "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" và "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Hải Y.

Đầu tháng 12/2021, do cần tiền để làm ăn nên Nguyễn Thị H đã nảy sinh ý định làm đăng ký xe ô tô giả để mang đi thế chấp vay tiền. H vào mạng tìm tài khoản Zalo của một người đàn ông (*không biết tên tuổi, địa chỉ*) thuê làm giả đăng ký xe ô tô và thỏa thuận giá 3.000.000 đồng/01 bộ, sau đó H chụp đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 24C-089.02 và 24C - 076.58 của Công ty TNHH MTV vận tải Đắc T5, do Nguyễn Quốc Trung là chồng H làm giám đốc rồi gửi cho người đàn ông trên, đồng thời người đàn ông trên bảo H chuyển số tiền vào số tài khoản của người tên Huỳnh Vũ Đức. H đồng ý rồi chuyển 6.000.000 đồng vào tài khoản theo hướng dẫn của người đàn ông trên (*Hiện H không nhớ tên Ngân hàng và số tài khoản đã chuyển tiền*), khoảng một tuần sau H nhận được 02 giấy đăng ký xe ô tô giả gửi qua đường bưu điện.

Ngày 15/01/2022, H gọi điện cho chị Nguyễn Thị Hải Y là người quen hỏi vay 300.000.000 đồng, chị Y đồng ý thỏa thuận phải có tài sản thế chấp và lãi suất là 1%/tháng, H đồng ý. Sau đó chị Y chuyển số tiền trên cho H, sau khi nhận được số tiền trên H viết giấy vay tiền và cầm 02 đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 24C - 089.02 và 24C - 076.58 giả đến đưa cho chị Y thế chấp vào khoản tiền vay trên. Đến thời hạn không thấy H trả tiền nên chị Y nhiều lần yêu cầu H chuyển trả số tiền đã vay thì H đưa ra nhiều lý do và cố tình không trả số tiền 300.000.000 đồng đã vay của chị Y.

Lần thứ hai: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của chị Trần Thị Thanh Thuý.

Vào cuối tháng 01/2022, H tiếp tục vào mạng tìm một tài khoản Zalo thuê người làm giả giấy đăng ký xe ô tô thì gặp một người đàn ông giới thiệu nhà ở Phú Thọ (*không biết tên tuổi, địa chỉ*), H đặt làm 04 đăng ký xe ô tô giả với giá 4.000.000 đồng/01 bộ. Sau khi thoả thuận xong, H chụp các đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 21R-001.51; 24A - 099.39 và 02 đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 19C - 018.42 của Công ty TNHH MTV vận tải Đắc T5, do Nguyễn Quốc Trung là chồng H làm giám đốc và gửi cho người đàn ông trên. Sau đó, người đàn ông trên yêu cầu H chuyển trước 16.000.000 đồng tiền đặt làm đăng ký xe ô tô giả, H đồng ý rồi chuyển tiền cho người đàn ông trên (*hiện H không nhớ số điện thoại và số tài khoản đã chuyển tiền*). Khoảng một tháng sau, H nhận được 04 đăng ký xe ô tô giả qua đường bưu điện rồi cất giấu để khi cần thì mang đi thế chấp vay tiền.

Đến tháng 02/2022, H gặp chị Thuý và nói với chị T4 là bố H ở Yên Bái chết không có tiền để làm ma nên hỏi vay chị T4 100.000.000 đồng, thấy H nói vậy chị Thuý đồng ý và bảo H nếu vay phải có tài sản thế chấp, H đồng ý. Sau đó chị Thuý chuyển số tiền 100.000.000 đồng cho H, sau khi nhận được tiền H đưa cho chị Thuý 01 giấy vay nợ tiền và 01 đăng ký xe ô tô biển số 19C-018.42 giả để thế chấp vào khoản tiền vay trên. Khi đến thời hạn không thấy H trả tiền nên chị Thuý có hỏi thì H nói hiện không có tiền trả.

Lần thứ ba: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị P T5.

Năm 2021, Nguyễn Thị H có quen biết với chị Nguyễn Thị P và có vay tiền nhiều lần của chị T5 và đều thanh toán đúng thời gian theo thoả thuận. Đến ngày 07/4/2022, H nhắn tin hỏi vay chị T5 500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (*không tính lãi*). H nói "*Vay hộ một người tên Quý ở Công ty xây dựng số 1 để làm thủ tục đấu thầu*". Chị T5 đồng ý và bảo H phải có tài sản thế chấp, H đồng ý. Sau đó chị T5 chuyển số tiền trên cho H, sau khi nhận được số tiền trên H viết 01 giấy vay tiền và cầm theo 01 đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 19C-018.42 giả đến đưa cho chị T5 thế chấp vào khoản tiền đã vay trên. Do vay nợ tiền của nhiều người không có khả năng trả nên ngày 14/5/2022, H đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

+ Tại bản kết luận giám định số 33/KL-GĐTL ngày 20/05/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận:

- Phôi của các tài liệu gửi giám định ký hiệu từ A1 đến A3 là giả. Mẫu ký hiệu A1 là chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 24A – 099.39; Mẫu ký hiệu A2 là chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 24C – 076.58 và Mẫu ký hiệu A3 là giấy

chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 24C – 089.02. Các tài liệu này được in bằng P pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn, dấu họ tên trên các tài liệu gửi giám định ký hiệu từ A1 đến A3 không được đóng trực tiếp. Các hình dấu này được in bằng P pháp in phun màu.

- Chữ ký mang dấu họ tên Thượng tá Nguyễn Đắc Long trên tài liệu ký hiệu A1, A2; Đại tá Trần Văn Trường trên tài liệu ký hiệu A3 là chữ ký trực tiếp.

Chữ ký mang dấu họ tên Thượng tá Nguyễn Đắc Long trên tài liệu ký hiệu A1, A2 với chữ ký của ông Nguyễn Đắc Long trên mẫu so sánh không do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang dấu họ tên Đại tá Trần Văn Trường trên tài liệu ký hiệu A3 với chữ ký của ông Trần Văn Trường trên mẫu so sánh không do cùng một người ký ra.

- + Tại bản kết luận giám định số 58/GĐTL-PC09 ngày 05/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận:

- Bìa số 1: Phôi của tài liệu cần giám định ký hiệu A1 là giấy chứng nhận đăng ký biển số 21R - 001.51 là giả. Phôi này được in bằng P pháp in phun màu.

Hình dấu tròn, dấu họ tên tài liệu ký hiệu A1 không được đóng trực tiếp mà được in bằng P pháp in phun màu.

Chữ ký mang dấu tên “Đại tá Nguyễn Văn Chí” trên tài liệu ký hiệu A1 là chữ ký trực tiếp, so với chữ ký của ông Nguyễn Văn Chí trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không do cùng một người ký ra.

- Bìa số 5: Giấy chứng nhận đăng ký biển số 19C - 018.42, phôi tài liệu cần giám định ký hiệu A6 là giả. Phôi này được in bằng P pháp in phun màu.

Hình dấu tròn, dấu họ tên tài liệu ký hiệu A6 không được đóng trực tiếp mà được in bằng P pháp in phun màu.

Chữ ký mang dấu tên “Thượng tá Lê Trọng Tấn” trên tài liệu ký hiệu A6 là chữ ký trực tiếp, so với chữ ký của ông Lê Trọng Tấn trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không do cùng một người ký ra.

- Phôi của tài liệu cần giám định ký hiệu A8 là giấy đăng ký xe ô tô biển số 19C - 018.42 là giả. Phôi này được in bằng P pháp in phun màu.

Hình dấu tròn, dấu họ tên tài liệu ký hiệu A8 không được đóng trực tiếp mà được in bằng P pháp in phun màu.

Chữ ký mang dấu tên “Thượng tá Lê Trọng Tấn” trên tài liệu ký hiệu A8 là chữ ký trực tiếp, so với chữ ký của ông Lê Trọng Tấn trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không do cùng một người ký ra.

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKST-P2 ngày 29/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài*

sản” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã được tóm tắt ở trên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu lời luận tội và tranh luận: Thay đổi quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Thị H về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” từ điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự sang điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 12 (mười hai) năm tù đến 14 (mười bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 02 (hai) năm tù đến 04 (bốn) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 14 (mười bốn) năm tù đến 18 (mười tám) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng, án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử đối với bị cáo về cả hai tội. Đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Đối với tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ căn cứ để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến ngày 07/4/2022, bằng các thủ đoạn gian dối như làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, đưa ra các thông tin giả để tạo lòng tin cho chủ sở hữu tài sản nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của họ. Bị cáo đã làm giả các đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 24C-089.02; 24C-076.58; 21R-001.51; 24A-099.39; 19C-018.42. Mặc dù bị cáo làm giả 02 bản đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 19C-018.42 nhưng 02 bản này đều được làm giả từ 01 tài liệu gốc nên được tính là làm giả 01 giấy tờ, tài liệu. Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị H đã 02 lần làm giả với tổng số 05 giấy tờ, tài liệu và đã chiếm đoạt được tổng số tiền 900.000.000 đồng của các bị hại Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Thị P T5, Trần Thị Thanh T4.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu T5 tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 của Bộ luật hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tại phiên tòa, thay đổi quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” từ điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự sang điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là phù hợp nên được chấp nhận.

[3]. Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị H là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc trước pháp luật. Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”, “*Người phạm tội tự thú*” “*Người phạm tội T5 khẩn khai báo*”, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện được áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 4 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, những người bị hại là Chị Nguyễn Thị P T5, Nguyễn Thị Hải Y, Trần Thị Thanh T4 đã nhận được toàn bộ tiền bồi thường và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với điện thoại di động là công cụ, P tiện phạm tội cần tịch nộp ngân sách quỹ Nhà nước; đối với những vật chứng không liên quan đến vụ án cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp; Đối với những vật chứng còn lại là các bản phô tô, chứng thực của các giấy tờ đăng ký, chứng nhận kiểm định xe ô tô... cần tịch thu tiêu hủy.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*".

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 10 (mười) năm tù.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 15/5/2022.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 099.39 (tài liệu giả) và 01 chứng nhận đăng ký sơ mi rô moóc 21R-001.51 (tài liệu giả).

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 24C-076.58 (tài liệu giả).

- 01 giấy chứng nhận đăng ký 24C-089.02 thu giữ của Nguyễn Thị Hải Y (tài liệu giả).

- 02 giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 19C-018.42 (tài liệu giả).
- 01 quyển sổ một mặt ghi :CẨM NANG THAM KHẢO NHỮNG GIÁC MƠ” mặt sau có dòng chữ “KẾT QUẢ XỔ SỐ MIỀN BẮC” gồm 64 trang.
- 01 quyết định về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đắc T5 Lào Cai.
- 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc biển kiểm soát: 24R-006.24.
- 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát: 24C-004.98.
- 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát: 24C-076.58.
- 01 bản phô tô giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 160042472.
- 01 bản phô tô thẻ xe 24C-016.05.
- 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát: 24C-016.05.
- 01 bản phô tô giấy chứng nhận kiểm định số 2947707.
- 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát: 19C-018.42.
- 01 chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát: 24C-089.02.
- 01 chứng thực đăng kiểm xe ô tô biển kiểm soát: 24C-089.02.
- 01 chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát: 24C-050.38.
- 01 bản phô tô đăng kiểm xe ô tô biển kiểm soát: 24C-050.38.
- 01 bản phô tô bảo hiểm xe ô tô biển kiểm soát: 24C-050.38.
- 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát: 24C-050.38.
- 01 chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD262895.
- 01 chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD262894.
- 01 chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD262893.
- 01 chứng thực sổ hộ khẩu Nguyễn Quốc Trung.
- 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vận tải Đắc T5.
- 01 bản phô tô giấy phép kinh doanh vận tải số: 327 của Công ty vận tải Đắc T5.
- 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát: 24C-100.53.
- 01 bản phô tô đăng kiểm xe ô tô biển kiểm soát: 24C-100.53.

- 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc biển kiểm soát 21R-001.51.

- 02 tờ giấy khổ A4, trên các tờ giấy có các chữ in và viết tay.

- 02 quyển sổ có các hình, chữ in chữ viết và số.

- 05 tờ giấy khổ A4, có các chữ viết, chữ in, hình trên giấy.

*** Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị H:**

01 Điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung S9+ màu đen, số Imel 1: 355331090078056, Imel 2: 355332090078054, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong.

*** Tạm giữ để đảm bảo thi hành án của bị cáo Nguyễn Thị H:**

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung màu vàng cát có số Imel 354741/07/570012/1 và 354742/07/570012/9; điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong.

*** Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H:**

- 02 thẻ ATM của ngân hàng: MB bank và Techcom bank.

- 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD262893 và CD262894 (tài liệu thật).

- 01 đăng ký xe biển kiểm soát 19C-018.42 (tài liệu thật).

- 01 giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc biển kiểm soát 21R-001.51 (tài liệu thật).

- 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật số EA0106738 (kèm tem đăng kiểm) (tài liệu thật).

*** Trả lại cho chị Lương Thị Năm**

- 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu sáng, kèm 02 sim, điện thoại đã qua sử dụng hết pin không khởi động được, không kiểm tra chi tiết bên trong.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu xanh, số Imel (khe 1): 351389229810504 và số Imel (khe 2): 352682489810506, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong.

(Những vật chứng nêu trên được mô tả theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng số 33 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai ngày 30/3/2023).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Bị cáo; NBC;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- THA Tòa án 04;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Toàn